

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 31-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ

Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Truyện

Ông Ngô Hồng Khánh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, tp Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn H kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn Yên Nê 1, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông H chơi bời, cờ bạc không chịu khó làm ăn, không chăm sóc gia đình con cái, nhiều lần bà V

khuyên nhủ nhưng ông H không nghe. Hai vợ chồng không sống chung với nhau từ năm 2018 cho đến nay, phần ai người nấy sống không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa, bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân bế tắc. Vì vậy, bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- Về quan hệ con chung: Bà V xác nhận trong thời kỳ hôn nhân bà và ông H có 02 con chung:

1/ Phạm Thị Mỹ Ph, sinh ngày 30/01/2005.

2/ Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 16/9/2007.

Ly hôn, đối với con Phạm Thị Mỹ Ph đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 16/9/2007 bà V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà V xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ cho bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Từ khi thụ lý đến trước thời điểm mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký tòa án, nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án viết bản khai và tham gia hòa giải.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án để tham gia phiên tòa.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị V, xử cho bà V được ly hôn với ông Phạm Văn H.

+ Về quan hệ con chung: Đối với con Phạm Thị Mỹ Ph đã trưởng thành, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 16/9/2007 bà V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu này của bà V là căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị không xét.

+ Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn để tham gia phiên tòa, tuy nhiên bị đơn ông Phạm Văn H vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ, quá trình chung sống do có mâu thuẫn không tự giải quyết được nên bà V làm đơn xin ly hôn với ông H.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện để bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Văn H đoàn tụ cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng ông H không đến Tòa án để hòa giải mà không có lý do. Điều này cho thấy ông H không có thiện chí níu kéo, mong muốn giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Theo biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện H và được UBND xã H xác nhận thì vào năm 2018 bà V bỏ về sống tại thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng cho đến nay, vợ chồng không còn sống chung với nhau. Tại phiên tòa, bà V xác nhận bản thân bà không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu được ly hôn với ông H. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà V và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, khả năng hàn gắn không còn nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, xử cho bà V được ly hôn với ông H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà V và ông H có hai con chung với nhau. Đối với con Phạm Thị Mỹ Ph, sinh ngày 30/01/2005 đã trưởng thành, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết là đúng pháp luật nên tại bản án này không xét. Đối với con Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 16/9/2007 bà V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hằng và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu H là con gái, hiện nay đang sống cùng bà V, hơn nữa cháu H có bản tự khai xin được ở với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của bà V, xử giao cháu H cho bà V nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của cháu H. Do bà V không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên

không xét.

Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị V xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị V phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu số 09246 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Phạm Văn H, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Phạm Văn H.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung Phạm Thị Mỹ H, sinh ngày 16/9/2007 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng và ông Phạm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con Phạm Thị Mỹ Ph, sinh ngày 30/01/2005 đã trưởng thành, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị V phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo biên lai thu số 09246 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện H, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị V đã nộp đủ án phí.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã H;
- (Số 84, quyển 01, ngày 12/9/2005);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đức Thọ

